

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH K**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày 22-9-2021

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bá Khen.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Tấn Quyết và bà Lưu Thị Bích Giang

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Minh Quang, là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S (tên viết tắt S); người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng S; địa chỉ trụ sở: 266-268 N, phường 8, Quận 3, Thành phố H; người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân Hạnh P; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh K; văn bản ủy quyền số: 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020; người đại diện theo ủy quyền lại gồm: Ông Huỳnh Văn T; chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh K; địa chỉ: 353 T, phường T, thành phố K, tỉnh K; văn bản ủy quyền lại số: 01/2021/GUQ-CNKT ngày 04/01/2021; ông Dương Thọ Q; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch huyện N; địa chỉ: số 77 H, thị trấn P, huyện N, tỉnh K; văn bản ủy quyền lại số: 16/2021/GUQ-CNKT ngày 04/01/2021. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nghiêm Minh T; sinh năm: 1981; giấy chứng minh nhân dân số: 233209769; ngày cấp 28/5/2011; nơi cấp: Công an tỉnh K và bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1982; giấy chứng minh nhân dân số: 233257511; ngày cấp 17/01/2018; nơi cấp: Công an tỉnh K; địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Cả hai vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2021, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh K trình bày: Ngày 18/4/2019 ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H vay Ngân hàng S- Chi nhánh K- Phòng giao dịch huyện N số tiền 400.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số LD1910800044, sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-LD1910800044 ngày 22/4/2020; Mục đích vay vốn: Sản xuất nông nghiệp; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Phương thức trả nợ vay: Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ theo giấy nhận nợ tương ứng; ngày nhận nợ: 05/5/2020; ngày trả lãi: Ngày 20 hàng tháng; Ngày trả gốc: 05/5/2021; Lãi suất cho vay tại thời điểm nhận nợ: 10,5%/năm, nhưng đến kỳ trả nợ lãi và cho đến nay ông T, bà H vi phạm lịch trả lãi đến hạn không trả cho Ngân hàng, nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn, tính đến ngày 28/4/2021 tổng số tiền nợ gốc, lãi quá hạn là 403.458.675 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 400.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 3.458.675 đồng;

Để đảm bảo khoản vay trên ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 370746, thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích 368,7 m², do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 09/4/2009, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ (nay là thôn N), xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nghiêm Minh T, bà Nguyễn Thị H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 235/2019/HĐTC/PGDNH ngày 04/5/2019.

Để đảm bảo quyền lợi của bên cho vay, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bên vay ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2021 là 403.458.675 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 400.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 3.458.675 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền cho phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ thu hồi nợ thì buộc ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục trả nợ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng, đồng thời buộc ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn* ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến, do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết, thời hạn giải quyết đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Ngân hàng S- Chi nhánh K, buộc ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng S - Chi nhánh K tổng số tiền nợ gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2021 là 403.458.675 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 400.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là 3.458.675 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng và các khoản chi phí tố tụng khác. Nếu ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, căn cứ điểm b Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H vắng mặt, căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Vụ việc tranh chấp giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với cá nhân không có đăng ký kinh doanh, nên tranh chấp được xác định theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*:

- Xét hợp đồng tín dụng: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì: Ngày 18/4/2019 ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H vay Ngân hàng S - Chi nhánh K - Phòng giao dịch huyện N theo hợp đồng tín dụng số LD1910800044, sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-LD1910800044 ngày 22/4/2020, số tiền vay 400.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Sản xuất nông nghiệp; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Phương thức trả nợ vay: Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ theo giấy nhận nợ tương ứng; ngày nhận nợ: 05/5/2020; ngày trả lãi: Ngày 20 hàng tháng; Ngày trả gốc: 05/5/2021; Lãi suất cho vay tại thời điểm nhận nợ là 10,5%/năm, nhưng đến kỳ trả nợ lãi và cho đến nay ông T, bà H vi phạm lịch trả lãi, đã vi phạm hợp đồng tín dụng. Hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức của hợp đồng, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, công nhận hợp đồng tín dụng được lập giữa ông Nghiêm Minh T, bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng S- Chi nhánh K- Phòng giao dịch huyện N là có thật và hợp pháp.

- Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 370746, thửa đất

số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích 368,7 m², do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 09/4/2009, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ (nay là thôn N), xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nghiêm Minh T, bà Nguyễn Thị H, thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 235/2019/HĐTC/PGDNH ngày 04/5/2019. Để đảm bảo khoản vay 400.000.000 đồng, ông T, bà H đã đồng ý thế chấp tài sản nêu trên và đã được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, được đồng chủ sở hữu tài sản đồng ý thế chấp, đăng ký thế chấp và công chứng đúng quy định, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức, căn cứ Điều 320, 323 của Bộ luật dân sự, công nhận hợp đồng thế chấp tài sản nói trên giữa các bên là hợp pháp.

Về số tiền vay: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số LD1910800044, sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-LD1910800044 ngày 22/4/2020, ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H nhận nợ với Ngân hàng S - Chi nhánh K - Phòng giao dịch huyện N số tiền 400.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Sản xuất nông nghiệp; Thời hạn cho vay: 12 tháng; Phương thức trả nợ vay: Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ theo giấy nhận nợ tương ứng; ngày nhận nợ: 05/5/2020; ngày trả lãi: Ngày 20 hàng tháng; Ngày trả gốc: 05/5/2021; Lãi suất cho vay tại thời điểm nhận nợ là 10,5%/năm, do ông T và bà H vi phạm hợp đồng nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/4/2021 tổng số tiền nợ gốc, lãi quá hạn là 403.458.675 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 400.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 3.458.675 đồng. Số tiền vay này ông T và bà H bảo đảm tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số AN 370746, thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích 368,7 m², do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 09/4/2009, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ (nay là thôn N), xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nghiêm Minh T, bà Nguyễn Thị H, do ông T và bà H vi phạm hợp đồng, nên phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 28/4/2021 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H đã đồng ý thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất số AN 370746, thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích 368,7 m², do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 09/4/2009, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ (nay là thôn N), xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nghiêm Minh T, bà Nguyễn Thị H, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 235/2019/HĐTC/PGDNH ngày 04/5/2019 và được công chứng, đăng ký thế chấp đúng quy định. Do đó, ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 28/4/2021 là 403.458.675 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 400.000.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 3.458.675 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả

xong nợ. Nếu ông T, bà H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T, bà H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí nêu trên, nên buộc bị đơn trả lại cho Ngân hàng toàn bộ khoản chi phí mà Ngân hàng đã nộp.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng S - Chi nhánh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26, 35, 144, 147, 157, 158, 186, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 320, 323, 342, 343, 347, 355, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử như sau:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (tên viết tắt S) - Chi nhánh K, đề ngày 28/4/2021. Buộc ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng S - Chi nhánh K tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 28/4/2021 là 403.458.675đ (Bốn trăm lẻ ba triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng); trong đó: Nợ gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Nợ lãi quá hạn là: 3.458.675đ (Ba triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng). Kể từ ngày 29/4/2021 ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp, ông Nghiêm Minh T và bà Nguyễn Thị H không trả khoản nợ vay nêu trên cho Ngân hàng S - Chi nhánh K thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành án, kê biên, bán tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất số AN 370746, thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích 368,7 m², do UBND huyện N, tỉnh K cấp ngày 09/4/2009, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ (nay là thôn

N), xã Đ, huyện N, tỉnh K, người sử dụng đất ông Nghiêm Minh T, bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T, bà H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Về các khoản chi phí tố tụng: Buộc ông Nghiêm Minh T, bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng S - Chi nhánh K tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Ông Nghiêm Minh T, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.138.300đ (Hai mươi triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.069.000đ (Mười triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0002724 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/9/2021. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Bá Khen

